TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HAI BÀ TRƯNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Bản án số: **11**/2021/DS-ST
Ngày: 28/4/2021

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆTNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRƯNG – TP HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: ***Bà Khuất Thị Phương Lan***

Các hội thẩm nhân dân: ***Ông Đinh Thiện Tụy***

Bà Nguyễn Thị Tuyết Trang

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Hà My - *Cán bộ Toà án nhân dân quận Hai Bà Trưng - Thành phố Hà Nội.*

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa :

Bà Lê Thị Huyền *- Kiểm sát viên*

Ngày 28/4/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Hai Bà Trưng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 186/TLST-DS ngày 02/5/2020 về việc kiện *Tranh chấp Hợp đồng tín dụng'*.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/QĐXX - DS ngày 24/3/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 26/QĐ - HPT ngày 12/4/2021 giữa:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V.
Trụ sở: Số 89 đường L, phường L, quận Đ, thành phố H.
Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch HĐQT
Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Việt H, ông Lâm Đức H, ông Nguyễn Huy Q - cán bộ xử lý nợ (Giấy UQ 7572/2019 ngày 27/9/2019)

- Bị đơn: 1/ Ông Lê Huy P, sinh năm 1974
2/ Bà Trần Thị N, sinh năm 1983
HKTT: Số 449 đường T, phường T, quận H, thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa, nguyên đơn Ngân hàng TMCP V trình bày:

Ngày 02/10/2013 ngân hàng TMCP V (V Bank) đã cấp thẻ tín dụng với số tiền hạn mức là 20.000.000 đồng cho ông Lê Huy P trên cơ sở Đơn đăng ký kiêm hợp đồng mở sử dụng thẻ tín dụng, điều kiện và điều khoản mở và sử dụng thẻ tín dụng hình thức bảo đảm cấp thẻ là tín chấp, lãi suất áp dụng tại thời điểm cấp thẻ theo quy định của ngân hàng là 22%/năm và không thay đổi trong quá trình sử dụng thẻ.

Ngày 06/8/2014 ngân hàng TMCP V (viết tắt là V Bank) và ông Lê Huy P, bà Trần Thị N ký hợp đồng tín dụng số 1607497 vay số tiền là 300.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng, ngày 07/8/2014 hai bên ký khế ước nhận nợ số 1607497 xác nhận ông P, bà N nhận vay nợ theo hợp đồng trên,thời hạn vay là 48 tháng, lãi suất theo lãi suất tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 12 tháng cộng biên độ 5,5%/năm.

Ngày 11/11/2015 ông P ký hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 5191300 vay số tiền 81.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng. Lãi suất cho vay trong hạn là 20%/ năm và cố định không thay đổi trong suốt thời hạn vay.

Ngày 15/5/2017 ông P ký Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân và đề nghị mở, sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử với số tiền là 200.000.000 đồng, ngân hàng giải ngân qua tài khoản thấu chi là 133.000.000 đồng. Lãi suất thực hiện theo quy định phê duyệt của V Bank.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay là 01 xe ô tô nhãn hiệu Kia Carens màu đen, số khung RNYFG 5212AC007482, số máy G4KAAH368179, BKS 30Z – 6654 mang tên ông Lê Huy P, theo hợp đồng thế chấp xe ô tô số 1607497 ngày 06/8/2014 đã đăng ký giao dịch bảo đảm.

Tổng số tiền vay là 534.000.000 đồng, trong quá trình thực hiện hợp đồng, do ông P bà N vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên khoản vay đã chuyển sang nợ quá hạn, đến nay ông P bà N mới trả được 1 phần nợ gốc, cụ thể khoản vay cấp thẻ tín dụng 20.000.000 đồng ngày 02/10/2013,ông P mới trả 1.692.017 đồng, khoản vay 81.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng ngày 11/11/2015 ông P trả được 24.585.054 đồng tiền gốc,khoản vay 300.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng ngày 06/8/2014,ông P bà N trả được 206.531.331 đồng nợ gốc,khoản vay 133.000.000 đồng ngày 15/5/2017 chưa trả,hiện ông P bà N còn nợ ngân hàng số tiền nợ gốc của các khoản vay trên là 301.191.598 đồng và toàn bộ nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn, phạt chậm trả.Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc nhắc nhở nhưng ông P,bà N không hợp tác trả nợ cũng như bàn giao tài sản đảm bảo để thu hồi nợ.

Để bảo vệ quyền và lợi ích của ngân hàng, V Bank đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Lê Huy P và bà Trần Thị N phải thanh toán số tiền nợ gốc là 301.191.598 đồng và toàn bộ lãi phát sinh từ các hợp đồng trên cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ và lãi phạt chậm trả đối với khoản vay ngày 15/5/2017 số tiền là 32.592.899 đồng, Tòa án tiếp tục tính lãi theo đúng thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng cho đến ngày ông P, bà N thanh toán hết nợ cho ngân hàng; Yêu cầu Tòa án tuyên trong bản án V Bank có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ từ các khoản vay trên cho V Bank, tài sản đảm bảo là 01 xe ô tô con màu đen nhãn hiệu Kia Carens, số khung RNYFG 5212A007482,số máy G4KAAH368179,BKS 30Z – 6654 thuộc quyền sở hữu sử dụng của ông Lê Huy P và bà Trần Thị N theo hợp đồng thế chấp xe ô tô số 1607497 ngày 06/8/2014 đã đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định; Các tài sản khác thuộc sở hữu, sử dụng của bên vay trong trường hợp tài sản đảm bảo sau khi kê biên không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

- Bị đơn: Ông Lê Huy P và bà Trần Thị N đã được Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, các Thông báo về phiên hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/QĐXX-DS ngày 24/3/2021 nhưng vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện gồm: Yêu cầu buộc bị đơn phải trả số tiền lãi phạt là 32.592.899 đồng đối với khoản vay theo Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân và đề nghị mở, sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 15/5/2017; Yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ theo khoản vay tại Đơn đăng ký kiêm hợp đồng mở sử dụng thẻ tín dụng, điều kiện và điều khoản mở và sử dụng thẻ tín dụng ngày 02/10/2013 của ông P. Các yêu cầu khởi kiện khác ngân hàng vẫn giữ nguyên. Cụ thể số tiền ông P, bà N còn nợ ngân

hàng tạm tính đến ngày 28/4/2021 như sau: Đơn đăng ký kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng,thẻ ghi nợ ngày 02/10/2013 có nợ gốc là 18.307.983 đồng, lãi quá hạn là 64.069.696 đồng; Hợp đồng tín dụng số 1607497 ngày 06/8/2014 có nợ gốc là 93.468.669 đồng, lãi trong hạn 721.595 đồng, lãi quá hạn 66.421.893 đồng; Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 5191300 ngày 11/11/2015, nợ gốc là 56.414.946 đồng, lãi trong hạn 864.879 đồng, lãi quá hạn 63.362.324 đồng; Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân và đề nghị mở, sử dụng tài khoản thanh toán,thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 15/5/2017, nợ gốc là 133.000.000 đồng, lãi trong hạn là 2.290.556 đồng, lãi quá hạn là 154.134.246 đồng.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng phát biểu ý kiến:***

- ***Về tố tụng***: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi HĐXX nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật TTDS về việc thụ lý vụ án ,xác định quan hệ pháp luật ,tư cách đương sự và việc tiến hành thu thập chứng cứ.

- Việc tuân theo pháp luật của HĐXX và Thư ký tòa án tại phiên tòa được thực hiện đúng quy định tại Chương 14 Bộ luật tố tụng DS.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật TTDS. Đối với các đương sự vắng mặt đã được tòa án thực hiện tống đạt theo quy định của pháp luật.

- ***Về nội dung vụ án***: Căn cứ Bộ luật Dân sự 2005; Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Các tổ chức tín dụng và Nghị quyết số 326/2016 của UB thường vụ Quốc hội 14 ngày 30/12/2016, đề nghị Hội đồng xét xử

+ Buộc ông P, bà N phải thanh toán toàn bộ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn (tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm) theo Đơn đăng ký kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng,thẻ ghi nợ ngày 02/10/2013 có nợ gốc là 18.307.983 đồng, lãi quá hạn là 64.069.696 đồng; Hợp đồng tín dụng số 1607497 ngày 06/8/2014 có nợ gốc là 93.468.669 đồng, lãi trong hạn 721.595 đồng, lãi quá hạn 66.421.893 đồng; Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 5191300 ngày 11/11/2015, nợ gốc là 56.414.946 đồng, lãi trong hạn 864.879 đồng, lãi quá hạn 63.362.324 đồng; Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân và đề nghị mở, sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 15/5/2017, nợ gốc là 133.000.000 đồng, lãi trong hạn là 2.290.556 đồng, lãi quá hạn là 154.134.246 đồng.

+ Ông P, bà N tiếp tục phải chịu lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán kể từ sau ngày xét xử cho đến khi thanh toán hết số nợ gốc theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng.

+ Trường hợp ông P, bà N không trả được khoản nợ trên thì Ngân hàng có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ.

+ Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu thanh toán phạt chậm trả và yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ đối với khoản vay ngày 15/5/2017.

Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Tòa nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ đương sự xuất trình và được thu thập hợp lệ trong hồ sơ. HĐXX xác định quan hệ pháp luật

là '*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng'*. Bị đơn ông Lê Huy P và bà Trần Thị N có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ 449 đường T, phường T, quận H, thành phố H nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[2] ***Về nội dung:***

[2.1] ***Xét yêu cầu thanh toán theo Hợp đồng tín dụng,Hợp đồng hạn mức thấu chi.***

Ngày 02/10/2013 ngân hàng TMCP V đã cấp thẻ tín dụng với số tiền hạn mức là 20.000.000 đồng cho ông Lê Huy P trên cơ sở Đơn đăng ký kiêm hợp đồng mở sử dụng thẻ tín dụng, điều kiện và điều khoản mở và sử dụng thẻ tín dụng hình thức bảo đảm cấp thẻ là tín chấp. Quá trình thực hiện ông P đã trả 1.692.017 đồng nợ gốc. Kể từ ngày 06/7/2017 ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ chuyển toàn bộ khoản nợ này sang nợ quá hạn.

Ngày 06/8/2014 ngân hàng TMCP V và ông Lê Huy P, bà Trần Thị N ký hợp đồng tín dụng số 1607497 vay số tiền là 300.000.000 đồng, ngày 07/8/2014 hai bên ký khế ước nhận nợ số 1607497 xác nhận ông P, bà N nhận vay nợ số tiền theo hợp đồng tín dụng trên, lãi suất là 5,5% cố định trong 06 tháng đầu, sau đó thay đổi theo lãi suất tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 12 tháng cộng biên độ 5,5%/năm. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông P, bà N đã trả 206.531.331 đồng nợ gốc, kể từ ngày 15/6/2017 ông P bà N vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngân hàng đã chuyển khoản vay trên sang nợ quá hạn.

Ngày 11/11/2015 ông P ký hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 5191300 vay số tiền 81.000.000 đồng,mục đích vay tiêu dùng. Lãi suất cho vay trong hạn là 20%/năm và cố định không thay đổi trong suốt thời hạn vay. Ông P đã thanh toán được 24.585.054 đồng nợ gốc, ngân hàng đã chuyển nợ quá hạn từ ngày 11/7/2017.

Ngày 15/5/2017 ông P ký Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân và đề nghị mở, sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử với số tiền là 200.000.000 đồng, ngân hàng giải ngân qua tài khoản thấu chi là 133.000.000 đồng. Lãi suất là 20%/ năm và thay đổi theo từng thời kỳ theo quy định phê duyệt của ngân hàng. Khoản vay này ông P chưa trả bất cứ số tiền nợ gốc hoặc lãi và ngân hàng đã chuyển nợ quá hạn từ ngày 19/6/2017.

Xét thấy thời điểm ký kết Hợp đồng các bên đều hoàn toàn tự nguyện, hình thức nội dung hợp đồng phù hợp các quy định của pháp luật nên có giá trị hiệu lực thi hành đối với các bên tham gia. Theo các tài liệu ngân hàng cung cấp thì ông P, bà N đã được ngân hàng giải ngân số tiền vay theo hợp đồng tín dụng và hợp đồng sử dụng hạn mức thấu chi được cấp đối với dịch vụ sử dụng thẻ tín dụng. Đến nay ông P, bà N mới thanh toán tổng số tiền nợ gốc của các hợp đồng trên là 231.116.285 đồng và còn nợ 301.191.598 đồng nợ gốc và toàn bộ nợ lãi phát sinh. Do vậy việc ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông P bà N phải thực hiện các nghĩa vụ thanh toán từ các hợp đồng trên là có căn cứ pháp luật.

Về lãi suất: Theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 1607497 ngày 06/8/2014 và khế ước nhận nợ số 1607497 ngày 07/8/2014 quy định lãi suất vay là 5,5% cố định trong 06 tháng đầu, sau đó thay đổi theo lãi suất tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 12 tháng cộng biên độ 5,5%/năm.Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 5191300 ngày 11/11/2015 quy định lãi suất cho vay trong hạn là 20%/năm và cố định không thay đổi trong suốt thời hạn vay; Đối với hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, thẻ ghi nợ thanh toán

lãi suất được quy định là 20%/năm và thay đổi theo theo từng thời kỳ theo phê duyệt của ngân hàng.

Thỏa thuận của các bên là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật về việc áp dụng lãi suất cho vay. Việc tính lãi của ngân hàng được thực hiện theo đúng hợp đồng, phù hợp theo từng giai đoạn điều chỉnh lãi suất và quy định về áp dụng lãi suất của Ngân hàng nhà nước quy định tại thời điểm điều chỉnh.Theo các tài liệu, quyết định về việc ban hành lãi suất điều chỉnh mức lãi suất cho vay áp dụng tại từng thời kỳ và đối chiếu với Bản tính lãi thống kê chi tiết của Ngân hàng cung cấp,số tiền nợ *(tạm tính đến ngày 28/4/2021)* là 653.056.787 đồng (gồm nợ gốc 301.191.598 đồng,lãi 351.865.189 đồng) trong đó: Hợp đồng sử dụng thẻ ngày 02/10/2013, nợ gốc là 18.307.983 đồng, lãi quá hạn là 64.069.696 đồng; Hợp đồng tín dụng số 1607497 ngày 06/8/2014, nợ gốc là 93.468.669 đồng, lãi trong hạn 721.595 đồng, lãi quá hạn 66.421.893 đồng; Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 5191300 ngày 11/11/2015, nợ gốc là 56.414.946 đồng, lãi trong hạn 864.879 đồng, lãi quá hạn 63.362.324 đồng; Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân và đề nghị mở, sử dụng tài khoản thanh toán,thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 15/5/2017, nợ gốc là 133.000.000 đồng, lãi trong hạn là 2.290.556 đồng, lãi quá hạn là 154.134.246 đồng.

Căn cứ điều 474, 476 Bộ luật dân sự 2005, Điều 90, 91 Luật các tổ chức tín dụng có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng, buộc ông P, bà N có nghĩa vụ phải thanh toán số tiền còn nợ trên cho ngân hàng và tiếp tục phải chịu lãi phát sinh theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận trong Đơn đăng ký kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng, thẻ ghi nợ ngày 02/10/2013;Hợp đồng tín dụng 1607497/TC ngày 06/8/2014; Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 5191300 ngày 11/11/2015 và Giấy đăng ký vay tiêu dụng cá nhân, mở, sử dụng tài khoản thanh toán ngày 15/5/2017 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ gốc của các khoản vay trên.

[2.2] ***Xét yêu cầu xử lý tài sản theo Hợp đồng thế chấp***:

Tại Hợp đồng thế chấp số 1607497/TC ngày 06/8/2014 giữa bên nhận thế chấp là ngân hàng TMCP V và bên thế chấp là ông Lê Huy P, bà Trần Thị N, hai bên thỏa thuận tài sản thế chấp là 01 xe ô tô con màu đen, nhãn hiệu KIA, số khung RNYFG 5212AC007482,số máy G4KAAH368179,biển số xe 30Z-6654, đăng ký xe ô tô số 053994 do Phòng cảnh sát giao thông công an TP Hà Nội cấp ngày 31/7/2010 đứng tên ông Lê Huy P.

HĐXX xét thấy, việc thế chấp tài sản là hoàn toàn tự nguyện, nội dung, hình thức hợp đồng thế chấp được thực hiện đúng quy định của pháp luật, sau khi thế chấp các bên đã thực hiện đăng ký giao dịch đảm bảo tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Quá trình giải quyết ngân hàng có đơn đề nghị không xem xét thẩm định tài sản đảm bảo do hiện không biết chiếc xe ô tô ở đâu vì ông P, bà N không hợp tác, không bàn giao. Khi nào tìm được chiếc xe, ngân hàng sẽ yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý phát mại theo quy định.

Theo điều 5 hợp đồng thế chấp 1607497/TC ngày 06/8/2014 nêu trên thì nghĩa vụ được bảo đảm là toàn bộ nghĩa vụ của bên thế chấp đối với bên ngân hàng phát sinh từ hợp đồng tín dụng số 1607497 ngày 06/8/2014 và các hợp đồng,văn bản tín dụng khác ký kết giữa bên thế chấp với bên Ngân hàng. Do vậy căn cứ các điều 342, 343, 355 BLDS 2005, trong trường hợp ông Lê Huy P, bà Trần Thị N vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ Hợp đồng tín dụng số 1607497 ngày 06/8/2014; Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 5191300 ngày 11/11/2015 và khoản vay tiêu dùng cá nhân theo Giấy

đăng ký vay tiêu dùng, mở sử dụng thẻ thanh toán ngày 15/8/2017 thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp số 1607497/TC ngày 06/8/2014 để thu hồi nợ, trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Lê Huy P và bà Trần Thị N vẫn phải có nghĩa vụ thanh toán hết khoản nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa ngân hàng xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về tiền phạt chậm trả và xử lý tài sản đảm bảo nên HĐXX chấp nhận và đình chỉ đối với phần yêu cầu này là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Căn cứ theo quy định điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 điều 26 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ông Lê Huy P và bà Trần Thị N có nghĩa vụ phải thanh toán khoản nợ vay nên phải chịu án phí DSST có giá ngạch là 31.432.163 đồng

Ngân hàng TMCP V được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí là 12.000.000 đồng theo biên lai thu số AA/2017/0003795 ngày 03/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 26; 35; 39; 144; 147; 244; 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Căn cứ các Điều 121,122,123,124, 342, 343, 355,373, 471; 474, 476 BLDS 2005.
- Căn cứ Điều 90, 91 Luật Các tổ chức tín dụng;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016 của UB thường vụ Quốc hội 14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V đối với ông Lê Huy P và bà Trần Thị N.

- Buộc ông Lê Huy P và bà Trần Thị N phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V số tiền (tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm) theo Hợp đồng tín dụng số 1607497 ngày 06/8/2014, nợ gốc là 93.468.669 đồng, lãi trong hạn 721.595 đồng, lãi quá hạn 66.421.892 đồng.

- Buộc ông Lê Huy P phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V số tiền (tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm) theo Đơn đăng ký kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng, thẻ ghi nợ ngày 02/10/2013, nợ gốc là 18.307.983 đồng, lãi quá hạn là 64.069.696 đồng; Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 5191300 ngày 11/11/2015, nợ gốc là 56.414.946 đồng, lãi trong hạn 864.879 đồng, lãi quá hạn 63.362.324 đồng; Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân và đề nghị mở, sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 15/5/2017, nợ gốc là 133.000.000 đồng, lãi trong hạn là 2.290.556 đồng, lãi quá hạn là 154.134.246 đồng

- Kể từ ngày 29/4/2021, ông Lê Huy P và bà Trần Thị N còn phải thanh toán tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Đơn đăng ký kiêm hợp đồng mở,sử dụng thẻ tín dụng,thẻ ghi nợ ngày 02/10/2013; Hợp đồng tín dụng 1607497/TC ngày 06/8/2014; Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 5191300 ngày 11/11/2015 và Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân, mở,sử dụng tài khoản thanh toán ngày 15/5/2017 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ gốc của các khoản vay trên.

Trường hợp ông P, bà N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp số 1607497/TC ngày 06/8/2014 là 01 xe ô tô con màu đen,nhãn hiệu KIA,số khung RNYFG 5212AC007482,số máy G4KAAH368179,biển số xe 30Z-6654, đăng ký xe ô tô số 053994 do Phòng cảnh sát giao thông công an TP Hà Nội cấp ngày 31/7/2010 đứng tên ông Lê Huy P để thu hồi nợ. Tài sản trên đảm bảo cho khoản vay tại Hợp đồng tín dụng 1607497/TC ngày 06/8/2014; Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 5191300 ngày 11/11/2015 và Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân,mở,sử dụng tài khoản thanh toán ngày 15/5/2017.

Trường hợp việc phát mại tài sản thế chấp không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông P, bà N vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V đối với ông Lê Huy P về phần yêu cầu lãi phạt vi phạm hợp đồng theo Giấy đăng ký vay tiêu dùng cá nhân và đề nghị mở, sử dụng tài khoản thanh toán,thẻ ghi nợ và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 15/5/2017 và yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp số 1607497/TC ngày 06/8/2014 đối với khoản vay tại Đơn đăng ký kiêm hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng, thẻ ghi nợ ngày 02/10/2013.

3 . Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Huy P, bà Trần Thị N phải nộp 31.432.163 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP V được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 12.000.000 đồng theo biên lai thu số AA/2017/0000003795 ngày 03/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, Ngân hàng TMCP V có mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hợp lệ bản án./.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Hai Bà Trưng
- Chi cục THADS quận Hai Bà Trưng;
- Các đương sự;
-Lưu hồ sơ./.

Khuất Thị Phương Lan